

Bản án số: 99/2018/DS-PT

Ngày: 10-8-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Dũ

Bà Tăng Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 và ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐ-PT, ngày 11/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phan Văn S, sinh năm 1956 (có mặt).

2.2. Bà Lê Thị X, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lê Thị X: Ông Phan Văn S, sinh năm 1956 – là bị đơn trong vụ án (theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2018 - có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Phạm Văn K trình bày: Do có quen biết với nhau nên nguyên đơn có cho các bị đơn Phan Văn S và Lê Thị X vay tiền và vàng các lần vay cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất vào ngày 06/10/2015 âm lịch (âl) (nhằm ngày 06/11/2015 dương lịch (dl)) cho vay 6.000.000 đồng;

- Lần thứ hai vào ngày 15/10/2015 al (nhằm ngày 15/11/2015 dl) cho vay 25.000.000 đồng;
- Lần thứ ba vào ngày 20/10/2015 al (nhằm ngày 20/11/2015 dl) cho vay 12.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara;
- Lần thứ tư vào ngày 27/11/2015 dl cho vay 30.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 lần cho vay là 73.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara, khi vay thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng. Khi vay không có làm giấy tờ, nhưng sau đó có làm 02 giấy cổ đất để làm tin. Khi vay không có thỏa thuận thời hạn trả vốn, còn lãi thỏa thuận trả hàng tháng. Đến ngày 28/11/2016, các bị đơn trả vốn và lãi được 30.000.000 đồng; đến ngày 06/01/2017 các bị đơn trả thêm 13.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 kara. Số tiền còn lại là 45.900.000 đồng.

Do các bị đơn không trả tiền theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả vốn vay còn nợ là 45.900.000 đồng và lãi suất từ ngày 06/01/2017 đến ngày 13/3/2018 theo mức lãi suất 1,66%/tháng là 10.845.000 đồng. Tổng cộng là: 56.745.000 đồng.

Bị đơn Phan Văn S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị X trình bày: Bị đơn và vợ là Lê Thị X có vay của nguyên đơn 04 lần nhưng vay vào năm 2014 tổng cộng là 43.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 ka, các bị đơn đã trả đủ vốn là 43.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 ka, còn lãi suất đã trả 34.280.000 đồng các lần trả vốn và lãi không có làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến. Còn 04 lần vay vào năm 2015 tổng cộng là 73.000.000 đồng và 02 chỉ vàng 24 ka là nguyên đơn tính theo ngày làm giấy cổ đất. Việc làm giấy cổ đất chỉ là để làm tin chứ thật sự giao dịch giữa các bị đơn và nguyên đơn là vay tiền và vàng, phần đất cổ các bị đơn vẫn sử dụng không có giao cho nguyên đơn. Khi vay không có thỏa thuận thời gian trả, vay tiền để điều trị bệnh cho con. Bị đơn thừa nhận còn thiếu nguyên đơn 45.900.000 đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn nhưng xin trả dần hàng tháng và yêu cầu không tính lãi.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 22/2018/DS-ST, ngày 23/5/2018 đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn K. Buộc các bị đơn Phan Văn S và Lê Thị X liên đới trả vốn vay và lãi suất tổng cộng là: 56.745.000 đồng (năm mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) cho nguyên đơn Phạm Văn K. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 02/6/2018, bị đơn ông Phan Văn S kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 23/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện A, yêu cầu Tòa án

cấp phúc thẩm giải quyết: Đối với số tiền 45.900.000 đồng ông S còn nợ ông K, ông S yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án không tính lãi nữa vì số tiền này đã là tiền lãi. Trường hợp ông K không đồng ý cho ông S trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng thì ông S đồng ý giao diện tích đất mà ông S đã cầm cố cho ông K để ông K sử dụng đến khi ông S có đủ số tiền 45.900.000 đồng để chuộc lại đất. Đồng thời yêu cầu Tòa án không tính lãi nữa vì số tiền này là tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Ngày 23-5-2018, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử vụ án và đã tuyên bằng bản án số 22/2018/DS-ST, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên các bị đơn ông S có đơn kháng cáo bản án vào ngày 02/6/2018. Xét kháng cáo của ông S còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo của ông S là hợp lệ.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bị đơn Phan Văn S yêu cầu xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng đối với số tiền ông S còn nợ ông K là 45.900.000 đồng và yêu cầu Tòa án không tính lãi nữa vì số tiền này đã là tiền lãi, nhận thấy:

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về số nợ mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn về số tiền 45.900.000 đồng, căn cứ vào khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Nhưng bị đơn cho rằng đây là số tiền lãi, số tiền gốc vay bị đơn đã trả hết cho nguyên đơn. Tuy bị đơn trình bày như vậy nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh rằng số tiền này là số tiền lãi.

Tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng số tiền gốc mà nguyên đơn cho bị đơn vay là 73.000.000 đồng và 02 (hai) chỉ vàng 24 Kara, trong quá trình hòa giải ở ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, các bên thống nhất cả tiền gốc và tiền lãi là 90.000.000 đồng và 02 (hai) chỉ vàng 24 Kara. Sau khi các bên thống nhất số tiền này thì các bị đơn đã trả cho nguyên đơn được hai lần với tổng số tiền là 43.000.000 đồng và 02 (hai) chỉ vàng 24 Kara, số tiền còn lại là 45.900.000 đồng. Xét thấy: Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận số tiền 90.000.000 đồng (*bao gồm cả vốn và lãi*) mà các bên đã thống nhất tại ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Trong số tiền này các bị đơn đã trả được 43.000.000 đồng (*bao gồm cả tiền vốn và lãi*) và 02 chỉ vàng 24 Kara. Sau khi thỏa thuận số tiền còn lại mà các bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 45.900.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn không chứng minh được trong số tiền 43.000.000 đồng mà các bị đơn trả cho nguyên đơn thì tiền vốn là bao nhiêu, tiền lãi là bao nhiêu mà cho rằng đây là

tiền vốn là chưa chính xác. Do nguyên đơn nhập chung cả tiền vốn và lãi vào thành một khoản tiền và yêu cầu các bị đơn phải trả, các bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 43.000.000 đồng (bao gồm cả vốn và lãi). Như vậy số tiền 45.900.000 đồng mà nguyên đơn và các bị đơn thống nhất tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm trong đó bao gồm cả tiền vốn và tiền lãi nên không thể tiếp tục tính lãi đối với số tiền này để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn mà nên chấp nhận số tiền 45.900.000 đồng này là số tiền mà các bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn và không tính lãi đối với số tiền này là phù hợp.

[2.2]. Đối với kháng cáo của ông S yêu cầu là nếu trường hợp ông K không đồng ý cho ông S trả chậm dần mỗi tháng 1.000.000 đồng thì ông S đồng ý giao diện tích đất mà ông S đã cầm cố cho ông K để ông K sử dụng đến khi ông S có đủ số tiền 45.900.000 đồng để chuộc lại đất, nhận thấy: Quan hệ tranh chấp này là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm bị đơn ông S cũng đã thừa nhận 02 giấy cổ đất giữa nguyên đơn và vợ chồng bị đơn lập chỉ để làm tin, thực tế phần đất cầm cố đó phía bị đơn vẫn sử dụng. Tại phiên tòa nguyên đơn cho rằng việc lập giấy cổ đất này để làm tin, khi nào bị đơn trả đủ tiền cho nguyên đơn, nguyên đơn sẽ trả lại các giấy tờ này cho bị đơn. Do đó, kháng cáo của các bị đơn về phần này không có căn cứ chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông S (sinh năm 1956) và bà X (sinh năm 1957) có đơn xin miễn, giảm án phí, có xác nhận của UBND xã C, huyện A, tỉnh Sóc Trăng nhưng khi xét xử cấp sơ thẩm không đưa ra xem xét giải quyết là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S và bà X. Do đó cấp phúc thẩm nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Do ông S và bà X đến thời điểm xét xử ở cấp sơ thẩm (ngày 23-5-2018) đều đã trên 60 tuổi, theo quy định của Luật người cao tuổi thì ông S và bà X là người cao tuổi. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông S và bà X được miễn toàn bộ án phí.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Phan Văn S được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Phan Văn S về không tính lãi đối với số tiền 45.900.000 đồng, sửa bản án dân sự sơ thẩm 22/2018/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Văn K, buộc các bị đơn Phan Văn S và Lê Thị X có trách nhiệm trả số tiền 45.900.000 đồng cho nguyên đơn Phạm Văn K.

Số tiền này không tính lãi trong quá trình thi hành án.

* Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn Phan Văn S và Lê Thị X không phải chịu án phí.

- Ông Phạm Văn K không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn Phạm Văn K 1.447.500 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009107 ngày 26/01/2018 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009164 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn S không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông S số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0003206 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THA.DS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Khánh Hùng